

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 8 - 2023

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và bà Nguyễn Thị Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lại Thị L, sinh năm 1983.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1983.

Cùng ở địa chỉ: Tổ dân phố L, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh H có quan điểm xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Lại Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã P (nay là phường C, thành phố P), tỉnh Hà Nam vào ngày 03 tháng 01 năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Tại bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 25/7/2023, bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh nhất trí với chị L trình bày về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do chị L có quan hệ ngoại tình với người khác, anh đã nhiều lần tha thứ, bỏ qua nhưng chị L không thay đổi, vẫn lén lút có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ hơn một năm nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị L và anh H thống nhất xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Trần Quang H1, sinh ngày 25/01/2004, Trần Anh H2, sinh ngày 14/9/2008 và Trần Đức H3, sinh ngày 03/12/2017. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đức H3; giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh H2. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H đối với cháu H2 là 2.000.000đ/1 tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H3 cùng chị L. Riêng đối với cháu Trần Quang H1 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con riêng, con nuôi: Vợ chồng anh chị thống nhất không có. Hiện chị L không có thai nghén gì.

Về tài sản riêng, tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh chị thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nguyên vọng của cháu Trần Anh H2: Hiện nay cháu đã học xong lớp 9. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được ở với bố.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Chị Lại Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm: Về hôn nhân chị xin ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung: Chị xin nuôi cháu Trần Đức H3, giao anh H nuôi cháu Trần Anh H2; chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H đối với cháu H2 là 2.000.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi; đối với cháu Trần Quang H đã trưởng thành trên 18 tuổi, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Các vấn đề khác chị không đề nghị giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: Thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn

nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lại Thị L và anh Trần Văn H.

+ Về con chung: Giao cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Đức H3, sinh ngày 03/12/2017; giao cho anh H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Anh H2, sinh ngày 14/9/2008; chị L cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/ tháng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu H3. Chị L, anh H được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Đương sự và các thành viên trong gia đình không được cản trở bên kia trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lại Thị L có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì anh Trần Văn H có nơi cư trú tại tổ dân phố L, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh đã có quan điểm xin vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Lại Thị L và anh Trần Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2003 tại UBND xã C, thị xã P (nay là phường C, thành phố P), tỉnh Hà Nam đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lại Thị L, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh chị bất đồng về quan điểm sống, cách sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau; bên cạnh đó vợ chồng anh chị không tin tưởng nhau, anh H cho rằng chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, sống không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy việc giải quyết cho anh chị được ly hôn là cần thiết nên xử cho ly hôn giữa chị Lại Thị L và anh Trần Văn H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là các cháu Trần Quang H1, sinh ngày 25/01/2004; Trần Anh H2, sinh ngày 14/9/2008 và Trần Đức H3, sinh ngày 03/12/2017. Khi ly hôn anh chị thống nhất cháu Trần Quang H1 đã trưởng thành, trên 18 tuổi, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết; giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đức H3; giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh H2; chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H2 cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ. Xét thấy, nguyện vọng của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu H2, phù hợp thực tế và quy định của pháp luật. Do đó, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của anh chị, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đức H3; giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh H2; anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H3 cùng chị L; chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu H2 cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh H thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý ly hôn giữa chị Lại Thị L và anh Trần Văn H.

2/ Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Lại Thị L và anh Trần Văn H. Giao cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Đức H3, sinh ngày 03/12/2017; giao cho anh H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Anh H2, sinh ngày 14/9/2008; chị L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H đối với cháu H2 là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí: Chị Lại Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đổi trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị Lại Thị L đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai số AA/2021/0001671 ngày 23/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp. Chị L còn phải nộp tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4/ Về quyền kháng cáo: Chị Lại Thị L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Châu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Kim Ngân